

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo tiến sĩ đợt 1 năm 2024

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) thông báo tuyển sinh đào tạo tiến sĩ đợt 1 năm 2024 như sau:

1. Hình thức tuyển sinh:

Xét tuyển vào một trong hai chương trình: chương trình đào tạo (CTĐT) chuẩn hoặc CTĐT theo Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 (Đề án 89).

2. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển vào CTĐT tiến sĩ tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN) phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ (chi tiết tham khảo Phụ lục 4 của thông báo này). Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi dự tuyển. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của CTĐT tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu. Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận;

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết

cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn;

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động NCS vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của NCS (nếu có).

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm NCS.

- Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng chuyên ngành đào tạo;

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo;

- Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khoẻ để học tập.

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ của CTĐT là tiếng Anh, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng Anh;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ Anh hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Một trong các chứng chỉ tiếng Anh tương đương trình độ Bậc 4 trở lên (theo Khung năng lực tiếng Anh 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được quy định tại phụ lục 2 và phụ lục 3.

Lưu ý: ĐHQGHN không chấp nhận sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ thi theo hình thức trực tuyến.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng kí theo học CTĐT tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà CTĐT được giảng dạy bằng tiếng Việt.

Thí sinh đăng kí dự tuyển đào tạo tiến sĩ theo Đề án 89 phải đáp ứng tiêu chuẩn tham gia tuyển chọn tại Điều 5 Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/9/2021.

Thí sinh dự tuyển đáp ứng điều kiện tại Điều 4 của Quy định xét cấp học bổng của ĐHQGHN cho NCS và thực tập sinh sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc ban hành theo Quyết định số 3688/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/11/2021 của Giám đốc ĐHQGHN có thể nộp hồ sơ đăng kí xét cấp học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc.

3. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển đào tạo tiến sĩ (biểu mẫu được đăng trên website của Trường ĐHKHTN, <http://tuyensinh.hus.vnu.edu.vn/sau-dai-hoc.html>), bao gồm:

- 01 đơn đăng kí dự tuyển (theo Mẫu 1C, riêng cho CTĐT chuẩn/CTĐT theo Đề án 89);
- 01 bản cam kết (theo Mẫu 2C, riêng cho CTĐT theo Đề án 89);
- 01 sơ yếu lí lịch cá nhân (theo Mẫu 3C);
- 02 bản sao (công chứng) hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ và minh chứng về chuyên môn, ngoại ngữ, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác theo quy định; giấy chứng nhận công nhận văn bằng trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp;
- 07 bản đề cương nghiên cứu đáp ứng các yêu cầu, nội dung như ở Mục 2;
- Thư giới thiệu của tối thiểu 1 nhà khoa học (mỗi người giới thiệu 02 thư) theo quy định như ở Mục 2.

Tất cả hồ sơ trên được bỏ vào 1 túi hồ sơ, bên ngoài có dán bìa hồ sơ (theo Mẫu 5C, riêng cho CTĐT chuẩn/CTĐT theo Đề án 89).

Ngoài ra, các NCS đăng kí xét cấp học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc nộp thêm các giấy tờ sau:

- 02 bản cam kết thực hiện các quy định của ĐHQGHN về việc xét học bổng cho NCS có năng lực xuất sắc (Mẫu 1D);
- 02 đơn xin cấp học bổng lần đầu (Mẫu 2D);
- 02 bản sao giấy khai sinh.

4. Tổ chức xét tuyển

- Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.
- Các chuyên ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh chi tiết tại Phụ lục 1.
- Thời gian tổ chức xét tuyển NCS tại các tiểu ban chuyên môn: từ ngày 11/5/2024 đến ngày 26/5/2024.
- Công bố kết quả tuyển sinh trước ngày 29/5/2024.
- Thông báo trúng tuyển trước ngày 22/6/2024.
- Khai giảng: tháng 12/2024 (dự kiến).
- Chỉ tiêu tuyển sinh: 40 NCS (chi tiết trong Phụ lục 1).

5. Đăng ký dự tuyển

5.1. Việc đăng ký dự tuyển được thực hiện theo hai bước:

Bước 1: Đăng ký trên phần mềm tuyển sinh sau đại học:

- Người dự tuyển truy cập vào phần mềm đăng ký tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn. Người dự tuyển đã đăng ký tài khoản trong những kì tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kì đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng ký dự tuyển. Người dự tuyển phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo. Người dự tuyển không hoàn thành việc đăng ký trực tuyến sẽ không đủ điều kiện dự tuyển.

- Thời gian đăng ký: từ 8h00 ngày 11/3/2024 đến 17h00 ngày 24/4/2024

Bước 2: Nộp hồ sơ:

- Người dự tuyển chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ và sắp xếp theo thứ tự ở Mục 3.
- Thời gian nộp hồ sơ: Trong giờ hành chính từ ngày 10/4/2024 đến 17h00 ngày 24/4/2024 (trừ thứ Bảy, Chủ nhật và ngày lễ).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Đào tạo (phòng 404 nhà T1), Trường ĐHKHTN, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Chú ý: Thí sinh đăng ký xét cấp học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc, ngoài việc nộp hồ sơ dự tuyển phải khai báo thông tin và nộp hồ sơ đăng ký xét cấp học bổng tại địa chỉ <http://hocbong.vnu.edu.vn>

5.2. Lệ phí dự tuyển:

Thí sinh nộp lệ phí dự tuyển là: 260.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*), bằng cách chuyển khoản, như sau:

- Cấu trúc lệnh chuyển tiền nộp lệ phí tuyển sinh:

LPTSSDH <2024> [Mã đăng ký dự tuyển của thí sinh][Họ tên thí sinh]

- Số tài khoản: 115 118 222 8888 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội, chi nhánh Thanh Xuân.

Mã đăng kí dự tuyển của thí sinh được cấp khi thí sinh đăng kí thành công trên cổng thông tin tuyển sinh.

6. Danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn NCS kèm theo danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu đang thực hiện hoặc có kế hoạch triển khai: Chi tiết theo Phụ lục 5.

7. Học phí, học bổng

7.1. Học phí:

Học phí, lộ trình tăng học phí của hệ đào tạo tiến sĩ tuân theo quy định của nhà nước và các quy định khác có liên quan.

7.2. Học bổng:

- Học bổng hỗ trợ học tập theo quy định của Trường ĐHKHTN và của ĐHQGHN.

- Học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc của ĐHQGHN.

- Học bổng tài trợ do các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân tài trợ.

Thông tin chi tiết xin liên hệ:

- Phòng Đào tạo (Phòng 404 nhà T1), Trường ĐHKHTN, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Điện thoại: 02435578435, E-mail: saudaihoc@hus.edu.vn.

Nơi nhận:

- Các sở, ban, ngành;
- Các trường đại học, viện nghiên cứu;
- ĐHQGHN (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các khoa, Trung tâm CNTT&TT (để p/h);
- Lưu VT, ĐT, HĐ50.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HĐQTS SAU ĐẠI HỌC**

(đã kí)

GS.TS. Lê Thanh Sơn

Phụ lục 1
Các chuyên ngành đào tạo tiến sĩ tại Trường ĐHKHTN

STT	Chuyên ngành	Ngành	Chỉ tiêu
1.	Toán giải tích*	Toán học	3
2.	Phương trình vi phân và tích phân*		
3.	Đại số và lý thuyết số*		
4.	Toán ứng dụng*	Toán ứng dụng	2
5.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học*		
6.	Cơ sở toán học cho tin học*	Toán tin	1
7.	Cơ học*	Cơ học	1
8.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán*	Vật lý	7
9.	Vật lý chất rắn*		
10.	Vật lý vô tuyến và điện tử*		
11.	Vật lý nguyên tử và hạt nhân*		
12.	Quang học*		
13.	Vật lý địa cầu*		
14.	Vật lý nhiệt*		
15.	Hoá vô cơ*	Hóa học	4
16.	Hoá hữu cơ*		
17.	Hoá lý thuyết và hóa lý*		
18.	Hoá môi trường*		
19.	Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu*	Kỹ thuật hóa học	1
20.	Hoá phân tích*	Hóa phân tích	1
21.	Động vật học*	Sinh học	8
22.	Sinh lý học người và động vật*		
23.	Sinh lý học thực vật		
24.	Côn trùng học*		
25.	Vi sinh vật học*		
26.	Thực vật học*		
27.	Hoá sinh học*		
28.	Di truyền học*		
29.	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý	1
30.	Địa lý	Địa lý	1
31.	Quản lý tài nguyên và môi trường*	Quản lý tài nguyên và môi trường	1

STT	Chuyên ngành	Ngành	Chỉ tiêu
32.	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	1
33.	Địa chất học*	Địa chất học	2
34.	Thạch học, khoáng vật học và địa hóa*		
35.	Khí tượng và khí hậu học	Khí tượng và khí hậu học	1
36.	Thủy văn học	Thủy văn học	1
37.	Hải dương học*	Hải dương học	1
38.	Khoa học môi trường*	Khoa học môi trường	2
39.	Môi trường đất và nước*		
40.	Kỹ thuật môi trường	Kỹ thuật môi trường	1
	Tổng cộng		40

Ghi chú:

- *: Những chuyên ngành tuyển sinh cả hệ chuẩn và theo Đề án 89;
- Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng chuyên ngành có thể được điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế.

Phụ lục 2

Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Pearson English International Certificate (PEIC)	APTIS ESOL	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency (*)
Bậc 3	4.5	42 iBT	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	Level 2	B1	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	Level 3	B2	VSTEP.3-5 (6.0)

Ghi chú: (*) chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được cấp theo mẫu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020 (xem mẫu tại: https://bit.ly/mau_ccvstep).

Phụ lục 3

Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN

1. Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP

ĐHQGHN công nhận tất cả các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Dưới đây là danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép (tính đến ngày 29/02/2024).

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	16.	Trường Đại học Ngoại thương
2.	Trường ĐH Hà Nội	17.	Học viện Khoa học quân sự
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	18.	Học viện Cảnh sát nhân dân
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	19.	Trường Đại học Quy Nhơn
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	20.	Trường Đại Học Tây Nguyên
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	21.	Trường Đại học Sài Gòn
7.	Đại học Bách khoa Hà Nội	22.	Trường Đại học Văn Lang
8.	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	23.	Trường Đại học Trà Vinh
9.	ĐH Thái Nguyên	24.	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
10.	Trường ĐH Cần Thơ	25.	Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM
11.	Trường Đại học Nam Cần Thơ	26.	Trường ĐH Lạc Hồng
12.	Trường ĐH Vinh	27.	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM
13.	Học viện An ninh nhân dân	28.	Trường ĐH Công thương TP. HCM
14.	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	29.	Trường ĐH Kinh tế quốc dân
15.	Trường Đại học Thương mại	30.	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM

2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận			
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL
1.	Educational Testing Service (ETS)		√		
2.	British Council (BC)	√			√
3.	International Development Program (IDP)	√			
4.	Cambridge ESOL	√		√	

Phụ lục 4

Danh mục các ngành/chuyên ngành trình độ đại học/thạc sĩ được xét tuyển

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Chuyên ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức
1.	Toán giải tích	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học - Toán giải tích 	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học tính toán - Toán ứng dụng - Phương pháp toán sơ cấp - Đại số và lý thuyết số - Hình học - Tô pô - Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
2.	Phương trình vi phân và tích phân	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học - Toán giải tích 	<p>Các chuyên ngành khác của Toán học, Toán ứng dụng và Phương pháp toán sơ cấp như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toán học tính toán - Toán ứng dụng - Phương pháp toán sơ cấp - Lý thuyết xác suất và thống kê toán học - Đại số và lý thuyết số; Hình học - Tô pô ...
3.	Đại số và lý thuyết số	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học - Đại số và lý thuyết số - Hình học và Tô pô 	<ul style="list-style-type: none"> - Toán giải tích - Toán học tính toán - Toán ứng dụng - Lý thuyết xác suất và thống kê toán học - Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu - Toán kinh tế
4.	Toán ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học tính toán - Toán ứng dụng 	<ul style="list-style-type: none"> - Toán giải tích - Phương pháp toán sơ cấp - Lý thuyết xác suất và thống kê toán học - Đại số và lý thuyết số - Hình học - Tô pô - Toán kinh tế - Toán tài chính - Cơ sở toán học cho tin học - Toán học
5.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết xác suất và thống kê toán học - Thống kê ứng dụng - Toán ứng dụng định hướng xác suất thống kê 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại số và lý thuyết số - Toán giải tích - Hình học và tô pô - Cơ sở toán học cho tin học - Khoa học dữ liệu - Phương trình vi phân và hệ động lực - Toán ứng dụng định hướng tính toán khoa học - Toán kinh tế - Phương pháp toán sơ cấp
6.	Cơ sở toán học cho tin học	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính và khoa học thông tin - Sư phạm tin học - Toán tin - Khoa học máy tính - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu - Kỹ thuật phần mềm - Hệ thống thông tin - Kỹ thuật máy tính - Công nghệ thông tin - Khoa học máy tính và thông tin 	<ul style="list-style-type: none"> - Toán ứng dụng - Toán giải tích - Phương pháp toán sơ cấp - Lý thuyết xác suất và thống kê toán học - Đại số và lý thuyết số - Hình học - Tô pô...

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Chuyên ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức
7.	Cơ học	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ học - Cơ học vật rắn - Cơ học chất lỏng và chất khí - Công nghệ kỹ thuật cơ khí - Cơ kỹ thuật - Toán cơ 	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học - Toán giải tích - Toán tin - Phương trình vi phân và tích phân - Lý thuyết xác suất và thống kê toán học - Toán ứng dụng - Đại số và lý thuyết số - Khoa học tính toán - Phương pháp toán sơ cấp - Vật lý lý thuyết - Địa vật lý - Vật lý địa cầu - Kỹ thuật cơ khí - Kỹ thuật cơ điện tử - Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật hàng không - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Kỹ thuật xây dựng
8.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	<ul style="list-style-type: none"> - Vật lý học - Thiên văn học - Công nghệ kỹ thuật hạt nhân - Sư phạm vật lý - Sư phạm khoa học tự nhiên - Kỹ thuật điện tử và tin học - Khoa học vật liệu - Vật lý kỹ thuật - Kỹ thuật điện - điện tử - Công nghệ nano - Kỹ thuật vật liệu... 	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học - Hóa học - Sinh học - Địa lý - Khí tượng thủy văn hải dương học - Môi trường - Hóa dược - Công nghệ kỹ thuật hóa học - Kỹ thuật địa chất - Địa chất học - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử - Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông - Sư phạm toán - Sư phạm hóa học - Sư phạm sinh học - Hóa lý - Lý sinh - Vật liệu và linh kiện nano - Vật liệu điện tử - Khoa học và công nghệ nano ...

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Chuyên ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức
9.	Vật lý chất rắn	<p><i>1. Ngành Đại học đúng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật lý học - Su phạm Vật lý - Khoa học vật liệu, - Kỹ thuật điện tử tin học - Kỹ thuật vật liệu - Khoa học và công nghệ nano - Vật lý kỹ thuật - Vật lý ứng dụng <p><i>2. Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật lý lý thuyết và vật lý toán - Vật lý nguyên tử và hạt nhân - Vật lý vô tuyến và điện tử - Quang học - Vật lý nhiệt - Vật lý địa cầu - Kỹ thuật vật liệu - Khoa học và công nghệ nano - Vật lý kỹ thuật - Kỹ thuật hoá học - Công nghệ hoá học... 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử viễn thông - Cơ điện tử - Kỹ thuật môi trường...
10.	Vật lý vô tuyến và điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Vật lý học - Vật lý vô tuyến và điện tử - Kỹ thuật điện tử và tin học - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật viễn thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiên văn học - Công nghệ kỹ thuật hạt nhân - Su phạm vật lý - Su phạm khoa học tự nhiên - Kỹ thuật điện tử và tin học - Khoa học vật liệu - Vật lý kỹ thuật - Công nghệ nano - Kỹ thuật vật liệu - Công nghệ thông tin - Khoa học dữ liệu - Khoa học máy tính và thông tin - Toán tin - Máy tính và khoa học thông tin...
11.	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân của các cơ sở đào tạo có nội dung CTĐT khác dưới 10% so với nội dung CTĐT của chuyên ngành này tại ĐHQGHN.	<ul style="list-style-type: none"> - Vật lý lý thuyết và Vật lý toán - Vật lý địa cầu - Vật lý chất rắn - Vật lý nhiệt - Vật lý vô tuyến và điện tử - Quang học ...
12.	Quang học	<ul style="list-style-type: none"> - Vật lý học - Vật lý kỹ thuật - Su phạm Vật lý - Quang học - Vật lý quang học - Quang học và quang điện tử - Khí tài quang và quang điện tử 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học vật liệu - Vật lý chất rắn - Kỹ thuật điện tử tin học - Công nghệ kỹ thuật hạt nhân - Khoa học máy tính - Hóa học - Toán học - Sinh học

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Chuyên ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức
13.	Vật lý địa cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Vật lý học - Vật lý lý thuyết và vật lý toán - Vật lý chất rắn - Vật lý vô tuyến và điện tử - Vật lý nguyên tử và hạt nhân - Vật lý nhiệt - Quang học - Thiên văn học - Địa chất học - Địa kỹ thuật - Kỹ thuật địa chất 	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa lý - Lý sinh - Địa lý học - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật điện tử viễn thông - Cơ điện tử ứng dụng,...
14.	Vật lý nhiệt	<ul style="list-style-type: none"> - Vật lý lý thuyết và vật lý toán - Vật lý chất rắn - Vật lý vô tuyến và điện tử - Vật lý nguyên tử và hạt nhân - Quang học - Vật lý địa cầu - Vật liệu và linh kiện nano - Vật liệu điện tử - Khoa học và công nghệ nano - Khoa học vật liệu... 	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học - Hóa học - Sinh học - Hóa dược - Công nghệ kỹ thuật hóa học - Kỹ thuật địa chất - Địa chất học - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử - Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông - Sư phạm Toán - Sư phạm hóa học - Sư phạm sinh học - Hóa lý,...
15.	Hoá vô cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa học - Hóa phân tích - Hóa hữu cơ - Hóa lý thuyết và hoá lý - Hóa môi trường - Hóa dầu - Hóa dược - Kỹ thuật hóa học - Công nghệ hóa học, môi trường và năng lượng 	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa sinh học - Sư phạm hóa học - Sinh dược học - Công nghệ kỹ thuật môi trường - Công nghệ môi trường - Môi trường, sức khỏe và an toàn - Khoa học và công nghệ thực phẩm
16.	Hoá hữu cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa dược - Hóa vô cơ - Hóa phân tích - Hóa lý và hóa lý thuyết - Hóa môi trường - Hóa dầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật hóa học - Hóa sinh học,...

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Chuyên ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức
17.	Hóa lý thuyết và hóa lý	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa học - Hóa lý thuyết và hóa lý - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Hóa phân tích - Kỹ thuật hóa học - Hóa dầu - Công nghệ kỹ thuật hóa học - Hóa môi trường - Vật liệu cao phân tử và tổ hợp - Hóa học các hợp chất thiên nhiên - Hóa dược - Su phạm hóa học - Hóa sinh học - Hóa sinh dược - Các chuyên ngành phù hợp do nước ngoài cấp tương đương chuyên ngành Hóa lý thuyết và hóa lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học vật liệu - Kỹ thuật vật liệu - Vật lý chất rắn - Vật lý nguyên tử - Công nghệ sinh học - Công nghệ Nano - Các chuyên ngành gần do nước ngoài cấp liên quan đến ngành Hóa học...
18.	Hoá môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa môi trường - Hóa học - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Hóa phân tích - Hóa lý thuyết và hóa lý - Hóa dầu - Kỹ thuật hóa học - Công nghệ kỹ thuật hóa học - Công nghệ hóa học - Kỹ thuật môi trường - Công nghệ môi trường và năng lượng - Công nghệ môi trường - Công nghệ kỹ thuật môi trường - Các chuyên ngành tương đương do nước ngoài cấp phù hợp với chuyên ngành Hóa môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa dược - Su phạm hóa học - Khoa học môi trường - Môi trường và phát triển bền vững - Công nghệ sinh học - Quản lý tài nguyên và môi trường - Địa chất môi trường - Kỹ thuật tài nguyên nước - Tài nguyên và môi trường nước - Công nghệ quan trắc và giám sát tài nguyên môi trường - Môi trường, sức khỏe và an toàn
19.	Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật hóa học - Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu - Hóa học - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Hóa phân tích - Hóa lý thuyết và hóa lý - Hóa môi trường - Hóa dầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa dược - Su phạm hóa học - Công nghệ sinh học - Sinh dược học - Khoa học môi trường - Kỹ thuật môi trường - Công nghệ kỹ thuật môi trường - Khoa học vật liệu - Kỹ thuật vật liệu - Công nghệ vật liệu - Công nghệ thực phẩm - Vật liệu polymer và composite

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Chuyên ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức
20.	Hoá phân tích	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa học - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Hóa lý thuyết và hoá lý - Hóa môi trường - Hóa dầu - Hóa dược - Kỹ thuật hóa học - Công nghệ hóa học, môi trường và năng lượng 	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa sinh học - Sư phạm Hóa học - Sinh dược học - Công nghệ kỹ thuật môi trường - Công nghệ môi trường - Môi trường, sức khỏe và an toàn - Khoa học và công nghệ thực phẩm - Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Công nghệ nông nghiệp - Y tế công cộng
21.	Động vật học	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh học - Động vật học - Thủy sinh vật học - Nhân chủng học 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh thái học - Thực vật học - Công nghệ sinh học - Di truyền học - Chăn nuôi - Bệnh học thủy sản - Nuôi trồng thủy sản - Khai thác thủy sản
22.	Sinh lý học người và động vật	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ sinh học - Sinh học thực nghiệm 	<ul style="list-style-type: none"> - Động vật học - Sinh học - Di truyền học - Vi sinh vật học - Hóa sinh học - Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thú y - Thủy sản - Y học và dược học
23.	Sinh lý học thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ sinh học - Sinh học thực nghiệm - Sinh lý học thực vật - Thực vật học - Sinh học 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ thực vật - Khoa học cây trồng - Lâm học - Di truyền học (thực vật) - Sinh thái học
24.	Côn trùng học	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh học - Động vật học 	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy sinh vật học - Sinh thái học - Thực vật học - Bảo vệ thực vật - Công nghệ sinh học - Sinh học thực nghiệm - Di truyền học

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Chuyên ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức
25.	Vi sinh vật học	<ul style="list-style-type: none"> - Vi sinh vật học - Sinh học thực nghiệm - Công nghệ sinh học 	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa sinh học - Di truyền học - Tế bào học - Sinh học - Y học - Dược học - Dịch tễ học - Chăn nuôi - Thú y - Thủy sản - Thủy sinh vật học - Sinh thái học - Thực vật học - Bảo vệ thực vật - Khoa học môi trường - Công nghệ môi trường - Công nghệ thực phẩm
26.	Thực vật học	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh học - Thực vật học 	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy sinh vật học - Sinh thái học - Lâm học - Quản lý tài nguyên rừng - Thạc sĩ cây trồng - Bảo vệ thực vật - Công nghệ sinh học - Động vật học
27.	Hoá sinh học	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa sinh học - Sinh học thực nghiệm - Công nghệ sinh học 	<ul style="list-style-type: none"> - Vi sinh vật học - Di truyền học - Sinh lý người và động vật - Tế bào học - Sinh lý thực vật - Y học
28.	Di truyền học	<ul style="list-style-type: none"> - Di truyền học 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh học - Sinh học thực nghiệm - Hóa sinh học - Vi sinh vật học - Công nghệ sinh học
29.	Bản đồ, viễn thám hệ thông tin địa lý	<ul style="list-style-type: none"> - Địa lý tự nhiên - Địa lý học - Địa mạo và cổ địa lý - Sinh thái cảnh quan và môi trường - Trắc địa - Trắc địa bản đồ - Tin học trắc địa - Trắc địa ảnh - Viễn thám và GIS - Bản đồ và GIS 	<ul style="list-style-type: none"> - Các chuyên ngành thuộc khối Khoa học Trái Đất và Môi trường: Địa chất, Môi trường, Công nghệ môi trường, Khí tượng, Thủy văn học, Hải dương học, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường - Lâm nghiệp - Nông nghiệp - Sinh học - Thổ nhưỡng - Quy hoạch đô thị - Quản lý đô thị - Quy hoạch nông thôn - Quy hoạch kỹ thuật hạ tầng

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Chuyên ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức
30.	Địa lý	<p>1. Đối tượng tốt nghiệp đại học chính quy loại Giỏi trở lên gồm các ngành/chuyên ngành: Địa lý tự nhiên, Địa lý học, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Quản lý tài nguyên và môi trường, Bản đồ viễn thám và hệ thống tin địa lý, Khoa học thông tin địa không gian, Quản lý phát triển đô thị và bất động sản.</p> <p>2. Đối tượng có bằng thạc sĩ bao gồm các chuyên ngành: Địa lý tự nhiên, Địa lý học, Quản lý tài nguyên và môi trường, Bản đồ viễn thám và hệ thống tin địa lý, Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Địa chất học - Khoa học môi trường - Công nghệ môi trường - Khí tượng, Thủy văn học, Hải dương học - Quản lý đất đai - Lâm nghiệp - Nông nghiệp - Sinh thái học - Kinh tế phát triển...
31.	Quản lý tài nguyên và môi trường	<p>1. Đối tượng tốt nghiệp đại học chính quy loại Giỏi trở lên gồm các ngành/chuyên ngành: Địa lý tự nhiên, Địa lý học, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai, Địa chất học, Khoa học môi trường.</p> <p>2. Đối tượng có bằng thạc sĩ bao gồm các chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Địa lý học; Địa lý tự nhiên; Địa mạo và cổ địa lý; Địa lý tài nguyên và môi trường; Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý; Địa chất học; Địa chất môi trường; Kỹ thuật địa chất; Bản đồ học; Khoa học môi trường; Môi trường và phát triển bền vững; Kỹ thuật môi trường; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Quản lý đất đai; Quản lý biển đảo và đới bờ; Quy hoạch vùng và đô thị; Khoa học đất.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh học - Công nghệ sinh học - Khoa học cây trồng - Hóa môi trường - Khoáng vật học và địa hóa học - Địa vật lý - Kỹ thuật địa vật lý - Quản lý đô thị và công trình - Quản lý khoa học và công nghệ - Kỹ thuật tài nguyên nước - Bảo vệ thực vật - Kinh tế nông nghiệp - Phát triển nông thôn - Lâm sinh - Biến đổi khí hậu và phát triển - Biến đổi khí hậu - Quản lý phát triển đô thị - Nuôi trồng thủy sản - Khoa học dữ liệu - Khoa học quản lý - Phát triển bền vững - Quản lý kinh tế - Quản lý xây dựng - Nuôi trồng thủy sản - Di sản học - Khoa học bền vững - Khảo cổ học - Khoa học dữ liệu - Trí tuệ nhân tạo - Kỹ thuật trắc - địa bản đồ - Du lịch

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Chuyên ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức
32.	Quản lý đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Địa chính - Quản lý đất đai 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa lý học - Địa lý tự nhiên - Địa lý tài nguyên và môi trường - Bản đồ viễn thám và hệ thống tin địa lý - Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Bản đồ học - Quản lý tài nguyên và môi trường - Khoa học môi trường - Môi trường và phát triển bền vững - Môi trường đất và nước - Khoa học đất - Quản lý tài nguyên rừng
33.	Địa chất học	<ul style="list-style-type: none"> - Địa chất học - Cổ sinh - Địa tầng - Địa chất cấu trúc - Địa chất dầu khí - Thạch học - Khoáng vật học - Địa hóa học - Địa vật lý - Địa kỹ thuật - Kỹ thuật địa chất - Địa chất môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tài nguyên thiên nhiên - Quản lý tài nguyên và môi trường - Công nghệ quan trắc và giám sát tài nguyên môi trường - Kỹ thuật địa vật lý - Kỹ thuật mỏ - Kỹ thuật dầu khí - Kỹ thuật tuyển khoáng - Địa kỹ thuật xây dựng - Khoa học đất - Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông và các ngành khác liên quan đến nền địa chất
34.	Thạch học, khoáng vật học và địa hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Địa chất học 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa chất môi trường - Quản lý tài nguyên thiên nhiên - Quản lý tài nguyên và môi trường - Công nghệ quan trắc và giám sát tài nguyên môi trường - Kỹ thuật địa vật lý - Kỹ thuật mỏ - Kỹ thuật dầu khí - Kỹ thuật tuyển khoáng - Kỹ thuật địa chất - Địa kỹ thuật - Địa môi trường
35.	Khí tượng học và khí hậu học	<ul style="list-style-type: none"> - Khí tượng và khí hậu học 	<ul style="list-style-type: none"> - Hải dương học - Thủy văn học - Khoa học môi trường - Toán học - Toán ứng dụng - Toán tin - Khoa học dữ liệu - Trí tuệ nhân tạo - Công nghệ thông tin - Vật lý địa cầu - Cơ học chất lỏng và chất khí - Thiên văn học

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Chuyên ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức
36.	Thủy văn học	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy văn môi trường - Kỹ thuật tài nguyên nước - Quản lý tài nguyên nước - Tài nguyên và môi trường nước - Địa chất thủy văn - Quản lý và giảm nhẹ thiên tai - Khoa học môi trường - Địa chất môi trường - Quản lý tài nguyên và môi trường - Thủy lợi - Thủy điện - Công trình thủy 	<ul style="list-style-type: none"> - Hải dương học - Khí tượng và khí hậu học - Địa lý tự nhiên - Bản đồ, viễn thám hệ thống tin địa lý - Kỹ thuật môi trường - Vật lý địa cầu - Cơ học chất lỏng - Toán tin - Toán ứng dụng - Vật lý học (Vật lý địa cầu) - Công nghệ thông tin - Khoa học dữ liệu - Thống kê (Lý thuyết xác suất và thống kê toán học) - Cơ học (Cơ học chất lỏng và chất khí) - Kỹ thuật và xây dựng công trình thủy - Biến đổi khí hậu
37.	Hải dương học	<ul style="list-style-type: none"> - Hải dương học - Khí tượng và khí hậu học 	<ul style="list-style-type: none"> - Biến đổi khí hậu - Thủy văn học - Tài nguyên và môi trường nước - Khoa học môi trường - Địa lý tự nhiên - Địa vật lý - Toán ứng dụng - Cơ học - Vật lý địa cầu

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Chuyên ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức
38.	Khoa học môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học môi trường - Môi trường và phát triển bền vững - Công nghệ kỹ thuật môi trường - Công nghệ môi trường - Môi trường, sức khỏe và an toàn 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học và công nghệ thực phẩm - Khoa học đất - Quản lý tài nguyên và môi trường - Tài nguyên và môi trường nước - Kinh tế tài nguyên - Công nghệ quan trắc và giám sát tài nguyên môi trường hoá học - Công nghệ kỹ thuật hóa học - Hóa dược - Sinh học - Công nghệ sinh học - Sinh dược học - Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Nông học - Công nghệ nông nghiệp - Thủy sản - Quản lý và khai thác nguồn lợi thủy sản - Địa chất học - Địa lý tự nhiên - Khí tượng học - Thủy văn học - Hải dương học - Cấp thoát nước - Quản lý đất đai - Quản lý đô thị thông minh và bền vững - Quản lý nhà nước - Du lịch - Quản trị tài nguyên di sản - Kỹ thuật năng lượng - Kinh tế phát triển - Y tế công cộng - Vật liệu thông minh - Phát triển nông thôn.

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Chuyên ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức
39.	Môi trường đất và nước	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ kỹ thuật môi trường - Công nghệ môi trường - Môi trường, sức khỏe và an toàn - Khoa học đất - Môi trường và phát triển bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học và công nghệ thực phẩm - Quản lý tài nguyên và môi trường - Tài nguyên và môi trường nước - Kinh tế tài nguyên - Công nghệ quan trắc và giám sát tài nguyên môi trường - Hoá học - Công nghệ kỹ thuật hóa học - Hóa dược - Sinh học - Công nghệ sinh học - Sinh dược học - Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Nông học - Công nghệ nông nghiệp - Thủy sản - Quản lý và khai thác nguồn lợi thủy sản - Địa chất học - Địa lý tự nhiên - Khí tượng học - Thủy văn học - Hải dương học - Cấp thoát nước - Quản lý đất đai - Quản lý đô thị thông minh và bền vững - Quản lý nhà nước - Du lịch - Quản trị tài nguyên di sản - Kỹ thuật năng lượng - Kinh tế phát triển - Y tế công cộng - Vật liệu thông minh - Phát triển nông thôn

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Chuyên ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức
40.	Kỹ thuật môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ kỹ thuật môi trường - Công nghệ môi trường - Khoa học môi trường - Môi trường, sức khỏe và an toàn 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học và công nghệ thực phẩm - Khoa học đất - Công nghệ kỹ thuật hóa học - Kỹ thuật hóa học - Kỹ thuật tài nguyên nước - Kỹ thuật cấp thoát nước - Công nghệ sinh học - Công nghệ quan trắc và giám sát tài nguyên môi trường - Quản lý tài nguyên và môi trường - Tài nguyên và môi trường nước - Hoá học - Kỹ thuật mỏ - Hóa dược - Sinh học - Quản lý đô thị và công trình - Công nghệ vật liệu - Sinh dược học - Công nghệ nông nghiệp - Thủy văn học - Cấp thoát nước - Quản lý đô thị thông minh và bền vững - Kỹ thuật năng lượng - Kinh tế tài nguyên môi trường - Đô thị học - Vật liệu thông minh

Ghi chú: Đối với các trường hợp khác, tùy thuộc vào bảng điểm thạc sĩ của thí sinh, Nhà trường sẽ xem xét, đề xuất để ĐHQGHN phê duyệt.

Phụ lục 5

Danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn NCS, lĩnh vực nghiên cứu, hướng nghiên cứu

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
1.	PGS.TS. Lê Hồng Phương	- Khoa học dữ liệu - Học máy thống kê	- Một số phương pháp học tự động tích hợp cơ sở tri thức trong mô hình ngôn ngữ lớn - Một số mô hình học tự động biểu diễn đồng thời cấu trúc ngôn ngữ tự nhiên và hình ảnh	01	Đang đồng hướng dẫn 01 NCS năm cuối, hướng dẫn 01 NCS năm đầu
2.	PGS.TS. Phó Đức Tài	Hình học đại số	- Mật mã khóa công khai từ các đường cong kỳ dị - Một số vấn đề về cấu trúc nhóm của đường cong elliptic	02	
3.	GS.TSKH. Vũ Hoàng Linh	- Giải tích số - Phương trình vi phân và hệ động lực	Miền ổn định của một số lớp phương trình vi phân và phương pháp số	01	Đang hướng dẫn 01 NCS
4.	PGS.TS. Nguyễn Thạch Dũng	Giải tích phức	Các hàm p-điều hòa có trọng và tính chất hình học, tô pô của các đa tạp Riemann	02	
5.	GS.TSKH. Nguyễn Hữu Việt Hưng	Tô pô Đại số	Điều kiện Margolis của bất biến dưới tác động của các nhóm con của nhóm tuyến tính tổng quát và K-lý thuyết Morava của các nhóm hữu hạn cổ điển.	02	Đang hướng dẫn 01 NCS
6.	PGS.TS. Trần Thanh Tuấn	- Kỹ thuật tỷ số H/V - Truyền sóng mặt	- Kỹ thuật tỷ số H/V trong môi trường phân lớp phức tạp - Công thức xấp xỉ tỷ số H/V trong mô hình bán không gian phủ lớp mỏng	01	
7.	GS.TSKH. Đặng Hùng Thắng	Giải tích ngẫu nhiên	Một số vấn đề của giải tích ngẫu nhiên trên không gian Banach xác suất	02	
8.	TS. Nguyễn Hải Vinh	Mạng nơ ron nhân tạo	Hình học nhiệt đới và ứng dụng trong mạng nơ ron học sâu	01	
9.	TS. Đặng Anh Tuấn	Lý thuyết toán tử vi phân, lý thuyết phổ, giải tích điều hòa	Dáng điệu tiệm cận của các phương trình tiến hóa và ứng dụng trong các phương trình vật lý toán	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
10.	PGS.TS. Lê Minh Hà	Tôpô Đại số	Một số vấn đề về toán tử đối đồng điều	01	
11.	GS.TS. Phạm Chí Vĩnh	- Thuần nhất hóa (Homogenization) - Sóng mặt - Phương pháp hàm phức trong các bài toán truyền sóng mặt - Dạng tiệm cận của các phương trình tán sắc	- Thuần nhất hóa biên phân chia có độ nhám cao - Phương pháp tích phân đầu và sóng mặt - Các công thức vận tốc sóng Rayleigh và Stoneley - Sóng trong các cấu trúc mỏng	02	
12.	PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng	- Giải tích ngẫu nhiên - Lý thuyết xác suất và thống kê	- Một số ứng dụng của giải tích ngẫu nhiên Malliavin - Nghiên cứu tốc độ hội tụ trong định lý giới hạn cho các thống kê phi tuyến	02 01	Đang hướng dẫn 02 NCS
13.	PGS.TS. Lê Quý Thường	Hình học đại số	- Thớ Milnor motivic & phổ Hodge-Steenbrink của kì dị siêu mặt phức - Идеал бөйөү và Giả thuyết đơn đạo cho các kì dị thuần nhất và kiểu Thom-Sebastiani suy rộng - Ideal Jacobian bậc cao của các cấu xạ và ứng dụng	03	
14.	TS. Phạm Văn Thắng	- Hình học tổ hợp - Tổ hợp cộng tính - Hình học độ đo - Hình học độ đo và Hình học tổ hợp	- Một số bài toán Ramsey hình học trong không gian hữu hạn - Một số chủ đề trong Tổ hợp cộng tính và Tổ hợp lý thuyết số - Sự tồn tại của các cấu trúc hình học trong các tập Fractal trong không gian Euclidean - Lý thuyết hạn chế và ứng dụng trong Hình học tổ hợp	01 01 01 01	
15.	PGS.TS. Đào Phương Bắc	Nhóm đại số và Hình học đại số	Về tôpô của quỹ đạo dưới tác động của nhóm đại số	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
16.	TS. Đỗ Thanh Hà	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý ảnh tài liệu - Học máy và trí tuệ nhân tạo - Thị giác máy tính - Xử lý ảnh y tế - Học máy và trí tuệ nhân tạo - Xử lý dữ liệu video thời gian thực - Thị giác máy tính - Trí tuệ nhân tạo 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xử lý ảnh tài liệu - Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng trong nghiên cứu hỗ trợ chẩn đoán ung thư dựa trên hình ảnh - Phân tích và nhận dạng hành vi của đối tượng trong các video giám sát 		
17.	TS. Đỗ Việt Cường	Hình học đại số, các dạng tự đẳng cấu.	Một số vấn đề liên quan đến công thức vết tương đối	01	
18.	TS. Tạ Công Sơn	Xác suất thống kê	Đánh điều tiệm cận của một số ước lượng trong các mô hình thống kê	01	
19.	TS. Nguyễn Thị Minh Huyền	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Chủ đề nghiên cứu: Phân tích ngữ nghĩa văn bản tiếng Việt	01	Đang hướng dẫn 01 NCS năm cuối
20.	PGS.TS. Phạm Trọng Tiến	Giải tích	Toán tử trên các không gian hàm	01	
21.	TS. Lê Huy Tiễn	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ động lực - Giải tích đa trị 	Tính bóng, tính giãn, tính giãn suy rộng, và tính hyperbolic của hệ động lực đa trị	01	
22.	TS. Nguyễn Trọng Hiếu	Phương trình vi phân, hệ động lực	Các mô hình toán ứng dụng (trong sinh thái, y học, kinh tế ...)	01	
23.	PGS.TS. Nguyễn Việt Tuyên	Vật lý chất rắn	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu chế tạo và tính chất của vật liệu nano và màng mỏng bán dẫn. - Nghiên cứu chế tạo và tính chất của vật liệu nano và màng mỏng kim loại quý. - Ứng dụng Raman tăng cường bề mặt để phát hiện các chất độc nồng độ nhỏ. 	03	Hỗ trợ tham gia đề tài chương trình trọng điểm cấp nhà nước, Học bổng VIN IF, học bổng Đại học Quốc gia...)

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
24.	PGS.TS. Phạm Nguyên Hải	Vật lý chất rắn	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển các sensor quang học ứng dụng trong y sinh và môi trường. - Nghiên cứu tính chất quang của vật liệu bán dẫn. 	02	Hỗ trợ tham gia đề tài chương trình vật lý quốc gia (chương trình trọng điểm cấp nhà nước), Học bổng VIN IF, học bổng Đại học Quốc gia...)
25.	PGS.TS. Phạm Đức Thắng	Vật liệu nano nhân tạo và ứng dụng (chuyên ngành Vật lý chất rắn, Khoa học vật liệu, Vật liệu và linh kiện nano)	<ul style="list-style-type: none"> - Chế tạo, tối ưu vật liệu tổ hợp (điện, từ, ...) cấu trúc nano. - Thiết kế, thử nghiệm ứng dụng trong chuyển đổi, tích trữ năng lượng, và xử lý môi trường. 	02	Hỗ trợ NCS, HVCH tham gia nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước, thực tập nghiên cứu ở nước ngoài, đăng ký các học bổng sau đại học
26.	TS. Nguyễn Duy Thiện	Vật lý chất rắn	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu ứng tán xạ Raman tăng cường bề mặt trên các cấu trúc micro-nano tuần hoàn để phân tích các chất độc nồng độ thấp. - Chế tạo và nghiên cứu tính chất của các vật liệu bán dẫn và bán dẫn pha tạp đất hiếm 	01	Hỗ trợ NCS, HVCH tham gia nhiệm vụ KH&CN, đăng ký Học bổng VIN IF, học bổng Đại học Quốc gia...)
27.	PGS.TS. Mạc Đình Hùng	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa hữu cơ - Hóa dược 	Tổng hợp các chất dị vòng có hoạt tính sinh học	02	
28.	PGS.TS. Phạm Tiến Đức	Hóa phân tích	<ul style="list-style-type: none"> - Chế tạo vật liệu nano oxit kim loại biến tính bề mặt để hấp phụ, làm giàu và phân tích kim loại nặng trong thực phẩm - Chế tạo vật liệu nanocomposite biến tính bề mặt để tách, làm giàu và phân tích kháng sinh, thuốc nhuộm trong mẫu môi trường 	02	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
29.	PGS.TS. Trần Mạnh Trí	- Hóa hữu cơ - Hóa môi trường	Nghiên cứu phát triển các phương pháp phân tích để quan trắc, đánh giá rủi ro phơi nhiễm, rủi ro sinh thái và con đường vận chuyển của các hợp chất hữu cơ trong mẫu môi trường, thực phẩm và sinh học	02	
30.	PGS.TS. Lê Thị Huyền	- Hóa hữu cơ - Hóa dược	- Nghiên cứu phân lập và chuyển hóa các hợp chất thiên nhiên có nguồn gốc từ thực vật, động vật và sinh vật biển - Nghiên cứu đánh giá hoạt tính sinh học của các hợp chất tự nhiên tìm kiếm các hoạt chất có dược tính mạnh để phát triển thành các sản phẩm chăm sóc sức khỏe con người	02	
31.	PGS.TS. Nguyễn Xuân Việt	Hoá lí thuyết và hoá lí	- Cảm biến sinh học/điện hoá trên đế dẻo cho thiết bị đeo được trong theo dõi sức khoẻ con người. - Cảm biến điện hoá/sinh học dựa trên vật liệu nano-carbon ứng dụng trong đánh giá an toàn thực phẩm và môi trường - Chế tạo và tái chế pin Lithium thế hệ mới	02	
32.	PGS.TS. Phạm Thị Ngọc Mai	Hóa phân tích	- Tổng hợp vật liệu chấm lượng tử cacbon (CQDs) ứng dụng làm sensor huỳnh quang - Tổng hợp vật liệu tổ hợp oxit sắt từ/nano Au ứng dụng trong chiết pha rắn từ tính (MSPE)	02	
33.	PGS.TS. Nguyễn Thị Ánh Hoàng	Hóa phân tích	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng phương pháp điện di mao quản sử dụng detector độ dẫn không tiếp xúc trong giám định ma túy, kiểm nghiệm dược phẩm, thực phẩm, phân tích lâm sàng	02	
34.	TS. Hoàng Quốc Anh	Hóa phân tích	Nghiên cứu phát triển phương pháp phân tích, quan trắc ô nhiễm, đánh giá nguồn gốc, số phận và tác động của các chất ô nhiễm hữu cơ trong môi trường	01	
35.	PGS.TS. Nguyễn Văn Hà	Hóa vô cơ	Hóa học phức chất và ứng dụng	02	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
36.	TS. Phạm Văn Phong	Hoá hữu cơ	Xúc tác hoá học xanh	01	
37.	PGS.TS. Nguyễn Xuân Hoàn	Hoá lí thuyết và hoá lí	Nghiên cứu chế tạo vật liệu polyme nanocompozit trên cơ sở nền polyme cho các ứng dụng: cảm biến theo dõi phá huỷ vật liệu, lớp phủ, lớp phủ bảo vệ	01	
38.	GS.TS. Nguyễn Đình Thành	Hóa hữu cơ	Tổng hợp các hợp chất dị vòng chứa O, N và S có hoạt tính sinh học và nghiên cứu mô phỏng phân tử của chúng	03	
39.	PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình	- Hóa xúc tác - Hóa lí	Nghiên cứu xúc tác quang trong xử lý ô nhiễm hữu cơ và khử CO ₂ thành nhiên liệu.	01	
40.	GS.TS. Nguyễn Tiến Thảo	- Hóa xúc tác - Hóa hữu cơ	- Nghiên cứu chuyển hóa các hợp chất hữu cơ, hóa dầu - Chế tạo hệ xúc tác ứng dụng cho các quá trình hữu cơ, hóa dầu và xử lý môi trường	03	
41.	PGS.TS. Nguyễn Minh Phương	Hóa môi trường	- Nghiên cứu thu hồi các thành phần có giá trị trong một số nguồn thải, ứng dụng trong xử lý môi trường và cải tạo đất - Nghiên cứu chế tạo hệ xúc tác quang dạng Z, ứng dụng cho quá trình quang oxi hoá và quá trình quang khử	02	
42.	TS. Nguyễn Minh Việt	Hóa môi trường	- Nghiên cứu chế tạo hệ xúc tác quang hóa vùng khả kiến áp dụng để xử lý các chất hữu cơ ô nhiễm - Nghiên cứu chế tạo vật liệu biến tính trên cơ sở than sinh học ứng dụng trong xử lý các chất ô nhiễm - Nghiên cứu chế tạo vật liệu có bề mặt siêu kỵ nước ứng dụng trong phân tách dầu	02	
43.	TS. Phạm Thanh Đồng	Hoá môi trường	- Nghiên cứu chế tạo các vật liệu xúc tác quang thế hệ mới, hoạt động hiệu quả dưới tác dụng của ánh sáng khả kiến để xử lý chất ô nhiễm hữu cơ, chuyển hoá CO ₂ và phân tách nước	02	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
44.	PGS.TS. Đỗ Quang Trung	Hoá môi trường	- Nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp phụ trên cơ sở biến tính khoáng Vermiculite và khảo sát khả năng xử lý ô nhiễm dầu và kim loại trong môi trường nước - Nghiên cứu quá trình chuyển hóa chất thải chăn nuôi thành nguyên nhiên liệu có giá trị phục vụ cho phát triển xanh	02	
45.	PGS.TS. Trần Đình Trinh	Hoá môi trường	Nghiên cứu chế tạo vật liệu tiên tiến đa chức năng và ứng dụng trong xử lý môi trường, tích trữ năng lượng	01	
46.	GS.TS. Nguyễn Văn Nội	Hoá môi trường	Xúc tác quang hóa vùng khả kiến áp dụng để xử lý các chất hữu cơ ô nhiễm	01	
47.	- GS.TS. Phan Tuấn Nghĩa - PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Loan	Hóa sinh học Sinh học phân tử	- Protease của virus và vi khuẩn gây bệnh - Các phương pháp/kit phát hiện tác nhân gây bệnh do vi khuẩn/virus	01	Hỗ trợ từ một số đề tài đang thực hiện
48.	PGS.TS. Nguyễn Quang Huy	Hóa sinh học Công nghệ sinh học	- Các chất có hoạt tính sinh học ứng dụng trong Y-Sinh- Dược - Cơ chế chuyển hóa sinh tổng hợp các chất có hoạt tính sinh học	01	Hỗ trợ từ một số đề tài đang thực hiện
49.	TS. Lê Thị Hồng Nhung	Hóa sinh học Protein tái tổ hợp Định hướng ứng dụng chẩn đoán ung thư phổi	- Tổng hợp kháng thể nhỏ ứng dụng trong chẩn đoán ung thư phổi - Đánh giá khả năng liên kết /nhận biết của các kháng thể tổng hợp được với protein đích của ung thư phổi trên mô hình <i>in vitro</i> và <i>in vivo</i>	01	Hỗ trợ tham gia đề tài nghiên cứu song phương Nafosted - SNF
50.	TS. Phạm Bảo Yên	Hoá sinh học Sinh học phân tử Công nghệ enzyme-protein	Phát triển phương pháp phát hiện tác nhân gây bệnh sử dụng công nghệ DNA-Enzyme-Protein ứng dụng trong chẩn đoán và nghiên cứu phát triển thuốc	01	Tham gia dự án VinIF liên quan đến phát hiện tác nhân gây ngộ độc thực phẩm

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
51.	PGS.TS. Nguyễn Văn Vịnh	Côn trùng học/ Thủy sinh vật học	- Đa dạng sinh học và bảo tồn sinh học - Đa dạng sinh học Côn trùng nước - Phân loại học Phù du (Ephemeroptera)	02	Hỗ trợ tham gia đề tài cấp nhà nước
52.	PGS.TS. Trần Anh Đức	Côn trùng học/ Thủy sinh vật học	- Nghiên cứu phân loại học côn trùng - Nghiên cứu đặc điểm sinh học và ứng dụng côn trùng thiên địch để kiểm soát các vector truyền bệnh	02	Hỗ trợ tham gia đề tài cấp nhà nước
53.	TS. Đỗ Đức Sáng	Động vật học	- Đa dạng sinh học thân mềm ở cạn - Bảo tồn và phát triển bền vững thân mềm ở cạn	02	
54.	TS. Nguyễn Thanh Sơn	Động vật học/ Thủy sinh vật học	- Nghiên cứu đa dạng sinh học nhóm giáp xác (Tôm, Cua)	01	
55.	PGS.TS. Nguyễn Thành Nam	- Ngu loại học - Sinh học và Sinh thái học thủy vực	- Tài nguyên sinh vật biển - Nghiên cứu sử dụng sinh vật biển làm chỉ thị môi trường	02	- Tham gia dự án hợp tác Đan Mạch - Việt Nam DV-WIND Project (23-M08-KU) - Tham gia dự án “Điều tra, đánh giá tổng hợp, xác định khả năng chống chịu, sức tải môi trường và hệ sinh thái các vùng biển ven bờ phục vụ phát triển kinh tế bền vững, chủ động ứng phó sự cố môi trường và thiên tai từ Quảng Ninh - Quảng Ngãi

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
56.	TS. Nguyễn Vĩnh Thanh	- Linh trưởng học - Lưỡng cư bò sát học	- Tập tính và sinh thái học linh trưởng - Nghiên cứu tương tác giữa linh trưởng và con người - Điều tra thành phần loài và phân bố lưỡng cư bò sát	01	Tham gia đề tài: “Nghiên cứu hiện trạng, phân bố quần thể linh trưởng tại bán đảo Sơn Trà nhằm đánh giá tổng quan về mức độ cân bằng sinh thái, đưa ra các giải pháp quản lý, bảo tồn phù hợp” do TS. Nguyễn Vĩnh Thanh làm chủ trì
57.	TS. Trần Trung Thành	- Sinh học biển - Ngư loại học	Sinh học và sinh thái học giai đoạn sớm của cá	01	Tham gia đề tài: “So sánh vai trò của các sinh cảnh vùng đất ngập nước ven biển Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh đối với ấu trùng, cá con” - (NAFOSTED, Mã số 106.06-2020.22) do TS. Trần Trung Thành làm chủ trì.
58.	- PGS.TS. Trịnh Hồng Thái - TS. Nguyễn Thị Tú Linh	- Sinh học người - Sinh y	Nghiên cứu biểu hiện của RNA dài không mã hóa (lncRNA) ở bệnh ung thư phổi không tế bào nhỏ	01	Hỗ trợ tham gia đề tài QG.22.02

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
59.	PGS.TS. Vũ Thị Thu	- Sinh lý học - Sinh học y dược	- Phân tích cơ chế sinh bệnh lý nhóm bệnh không lây nhiễm (tim mạch, ung thư, thần kinh,...) - Sàng lọc, đánh giá các sản phẩm dược/thuốc sử dụng các mô hình bệnh thực nghiệm và mẫu bệnh phẩm liên quan.	01-02	Hỗ trợ tham gia đề tài liên quan, tham gia nhóm nghiên cứu
60.	- GS.TS. Nguyễn Thế Toàn - TS. Đỗ Minh Hà	- Lý sinh học - Sinh y dược học	Kết hợp sàng lọc in silico, in vitro một số hợp chất tự nhiên có trong bài thuốc an thần, giảm đau nhằm phát triển thuốc giảm đau hướng đích u-opioid	01	GS.TS. Nguyễn Thế Toàn - Lý sinh học, Vật lý tính toán TS. Đỗ Minh Hà - Lý sinh học, Hóa học các hợp chất TN. Trong khuôn khổ đề tài NĐT NĐT/DE/21/28
61.	- TS. Đỗ Minh Hà - GS.TS. Nguyễn Thế Toàn	- Lý sinh học - Sinh y dược học	Sàng lọc đa đích in silico, in vitro, in vivo một số hợp chất tự nhiên có trong bài thuốc cổ truyền Việt nam nhằm phát triển sản phẩm hỗ trợ điều trị gout	02	GS.TS. Nguyễn Thế Toàn - Lý sinh học, Vật lý tính toán. TS. Đỗ Minh Hà - Lý sinh học, Hóa học các hợp chất TN Cơ sở từ đề tài QG.18.11
62.	- PGS.TS. Trịnh Hồng Thái - TS. Bùi Phương Thảo	- Sinh học người - Sinh y	Nghiên cứu xác định protein trong huyết tương/dịch não tủy của bệnh nhân bị bệnh thần kinh tự miễn	01	Hỗ trợ tham gia đề tài QG.22.01

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
63.	TS. Tô Thanh Thúy	- Sinh lý học - Sinh học y dược - Dược lý học	- Sinh lý bệnh lý nội tiết, chuyển hóa xương và bệnh xương, sinh lý và bệnh lý thần kinh - Đánh giá tác dụng của dược chất sử dụng mô hình tế bào và động vật (cá medaka, zebrafish; chuột)	01	Nghiên cứu tác dụng hướng estrogen thực nghiệm của quả mận kinh lá đơn (<i>Vitex rotundifolia</i> L.f.) trên mô hình tế bào, chuột và cá.
64.	PGS.TS. Trần Văn Tuấn	- Vi sinh vật học - Công nghệ sinh học	- Phát triển hệ thống biểu hiện gen/chỉnh sửa hệ gen mới ở nấm sợi và nấm dược liệu phục vụ sản xuất enzyme/protein và các chất có hoạt tính sinh học - Phát triển công nghệ lai tạo giống và nuôi trồng năng suất cao nấm dược liệu <i>Cordyceps militaris</i> - Điều tra cơ chế phân tử của quá trình gây hỏng nông sản sau thu hoạch của một số vi nấm phổ biến và biện pháp phòng trừ	02	Hỗ trợ từ một số đề tài đang thực hiện
65.	PGS.TS. Phạm Thế Hải	- Vi sinh vật học - Công nghệ sinh học	- Nghiên cứu phát triển cảm biến quang sinh giúp phát hiện nhanh vi khuẩn <i>Vibrio</i> trong nước - Nghiên cứu ứng dụng các cách tiếp cận mới trong sinh thái học vi sinh vật để phát triển các giải pháp sinh học mới xử lý thuốc bảo vệ thực vật tồn dư nhằm cải tạo đất ô nhiễm	02	Hỗ trợ từ một số đề tài đang thực hiện
66.	PGS.TS. Hoàng Thị Mỹ Nhung	Sinh học tế bào	- Ứng dụng Tế bào gốc trong Y học tái tạo - Sàng lọc và đánh giá hoạt tính sinh học của chất trên tế bào lành và tế bào ung thư	02	Hỗ trợ tham gia đề tài VINIF
67.	TS. Đặng Văn Đức	Miễn dịch phân tử	Điều hoà các đáp ứng miễn dịch trong các bệnh tự miễn, truyền nhiễm và ung thư	01	
68.	TS. Hoàng Thị Thu Hương	Địa lý nhân văn	Địa lý du lịch	02	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
69.	PGS.TS Mẫn Quang Huy	Quản lý đất đai	- Công nghệ trong Quản lý đất đai - Quản lý phát triển bền vững tài nguyên - Quy hoạch sử dụng đất	02	
70.	TS. Nguyễn Thị Hà Thành	Địa lý nhân văn	- Du lịch - Địa lý xã hội - Quản lý đất đai	02	
71.	TS. Nguyễn Hữu Duy	- Địa lý nhân văn - Địa lý tài nguyên và môi trường	- Tai biến thiên nhiên - Công nghệ quản lý tài nguyên và môi trường	02	
72.	PGS.TS. Nguyễn Hiệu	- Địa mạo và Cổ địa lý - Quản lý tài nguyên và môi trường	- Địa mạo ứng dụng - Quản lý đới bờ - Bảo vệ tài nguyên môi trường - Địa mạo truyền thống - Địa lý tổng hợp	02	
73.	PGS.TS. Bùi Quang Thành	Bản đồ viễn thám và GIS	Ứng dụng viễn thám và Hệ thống tin địa lý trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	01	
74.	PGS.TS. Trần Văn Tuấn	Quản lý đất đai	- Quy hoạch sử dụng đất trong bối cảnh liên kết vùng và biến đổi khí hậu - Chuyển đổi sử dụng đất trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa - Nghiên cứu sử dụng đất nông nghiệp bền vững	02	
75.	PGS.TS. Đặng Văn Bào	Quản lý tài nguyên và môi trường	- Địa mạo ứng dụng - Quản lý đới bờ - Du lịch - Địa mạo bờ biển - Địa mạo hiện đại	02	
76.	TS. Đặng Kinh Bắc	Quản lý tài nguyên và môi trường	- Sinh thái, dịch vụ hệ sinh thái - Địa lý nhân văn	02	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
77.	TS. Ngô Văn Liêm	Quản lý tài nguyên và môi trường	- Địa mạo chung - Địa lý tổng hợp - Địa lý và môi trường biển - Tai biến thiên nhiên	02	
78.	PGS.TS. Đinh Thị Bảo Hoa	Bản đồ viễn thám và GIS	Ứng dụng viễn thám và Hệ thống tin địa lý trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	01	
79.	GS.TS. Nguyễn Cao Hoàn	- Địa lý tự nhiên - Quản lý tài nguyên và môi trường	Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	02	
80.	TS. Trần Văn Trường	- Địa lý tự nhiên - Quản lý tài nguyên và môi trường	Quy hoạch không gian phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường	02	
81.	GS.TS. Đỗ Minh Đức	- Địa chất - Địa kỹ thuật	- Địa kỹ thuật công trình và môi trường - Phòng tránh thiên tai và ứng phó BĐKH	01	Hỗ trợ tham gia đề tài
82.	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà	- Quản lý tài nguyên và môi trường - Địa chất môi trường	- Ứng dụng viễn thám và GIS trong giám sát tài nguyên, môi trường và BĐKH	01	Hỗ trợ tham gia đề tài
83.	PGS.TS. Nguyễn Tài Tuệ	- Địa chất môi trường - Địa hóa môi trường	- Sức tải môi trường biển - Ô nhiễm môi trường biển	01	Hỗ trợ tham gia đề tài
84.	PGS.TS. Nguyễn Văn Vương	Kiến tạo, địa động lực	Tiến hóa kiến tạo địa động lực và khoáng sản liên quan	01	NCS sẽ được hướng dẫn thực hiện nghiên cứu về mối quan hệ giữa các giai đoạn tiến hóa kiến tạo, địa động lực và sự hình thành quặng hóa, cấu trúc chứa khoáng hóa

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
85.	PGS.TS. Nguyễn Thuý Dương	- Địa chất học - Địa hoá học - Khoáng vật học	Dự báo biến đổi môi trường và biến đổi khí hậu ghi nhận từ trầm tích	01	Hỗ trợ tham gia đề tài
86.	PGS.TS. Nguyễn Tiên Giang	Thủy văn, Tài nguyên nước	- Dự báo thủy văn, tài nguyên nước (TV& TNN) - Phân tích dữ liệu trong TV&TNN - Đánh giá Rủi ro thiên tai và BĐKH - Sạt lở bờ sông, bờ biển - Lương giá dịch vụ sinh thái	02	Tham gia hỗ trợ đề tài cấp nhà nước 562 và một số đề tài cấp nhà nước khác mà giảng viên đang tham gia. (Có thể là hướng dẫn độc lập hoặc đồng hướng dẫn)
87.	PGS.TS. Trần Ngọc Anh	Thủy văn, Tài nguyên nước	- Dự báo thủy văn, tài nguyên nước (TV& TNN) - Quan trắc, giám sát TV&TNN gần thời gian thực - Đánh giá Rủi ro thiên tai và BĐKH - Sạt lở bờ sông, bờ biển	02	Tham gia hỗ trợ đề tài cấp nhà nước và các cấp khác mà giảng viên đang tham gia. (Có thể là hướng dẫn độc lập hoặc đồng hướng dẫn)
88.	TS. Nguyễn Quang Hưng	Thủy văn, Tài nguyên nước	- Dự báo thủy văn, tài nguyên nước (TV& TNN) - Mô hình hóa và cấp thoát nước đô thị - Mô hình hóa nước dưới đất - Mô hình hóa chất lượng nước	01	Đồng hướng dẫn
89.	PGS.TS. Nguyễn Minh Trường	Khí tượng và biến đổi khí hậu	- Hệ thống thời tiết nguy hiểm qui mô vừa - Xoáy thuận nhiệt đới - Gió mùa Châu Á	03	
90.	PGS.TS. Vũ Thanh Hằng	Khí tượng và Khí hậu học	- Các hiện tượng cực đoan trong bối cảnh biến đổi khí hậu	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
91.	PGS.TS. Trần Quang Đức	- Khoa học đất - Khí tượng và Khí hậu	- Nắng nóng, phơn - Dự báo hoạt động bão	02	Hỗ trợ tham gia nhóm nghiên cứu mạnh
92.	GS.TS. Phan Văn Tân	Khí tượng và khí hậu học	- Dự báo mùa và nội mùa một số yếu tố và hiện tượng cực đoan - Biên đổi khí hậu và các hiện tượng cực đoan ở Việt Nam và Đông Nam Á	02	
93.	PGS.TS. Nguyễn Minh Huấn	Hải dương học	- Thủy nhiệt động lực học - Dự báo vận chuyển trầm tích và biến đổi địa mạo - Phân tích cơ sở dữ liệu dài hạn	01	Tham gia hỗ trợ đề tài cấp nhà nước và các cấp khác mà giảng viên đang tham gia. (Đồng hướng dẫn)
94.	TS. Phạm Tiến Đạt	Hải dương học	- Biến động mực nước biển ven bờ Việt Nam và khu vực Biển Đông - Phân tích thông kê dữ liệu biển - Nghiên cứu “compound extreme events” cho khu vực Biển Đông dưới ảnh hưởng của BĐKH	02	Tham gia hỗ trợ đề tài cấp nhà nước và các cấp khác mà giảng viên đang tham gia. (Đồng hướng dẫn)
95.	TS. Nguyễn Kim Cương	Hải dương học	- Thủy nhiệt động lực học - Phân tích cơ sở dữ liệu biển	01	Tham gia hỗ trợ đề tài cấp nhà nước và các cấp khác mà giảng viên đang tham gia. (Đồng hướng dẫn)

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
96.	GS.TS. Nguyễn Mạnh Khải	- Kỹ thuật môi trường - Khoa học môi trường	- Công nghệ xử lý nước thải và chất thải rắn: Nghiên cứu tận dụng bã thải sản xuất rượu chuối theo hướng kinh tế tuần hoàn - Nghiên cứu ứng dụng công nghệ vi sinh để xử lý nước thải nhiễm mặn của nhà máy chế biến bột Agar từ rong câu - Chính sách và pháp luật môi trường: Nghiên cứu về pháp luật và chính sách môi trường phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển và vùng bờ	03	
97.	TS. Trần Văn Sơn	- Kỹ thuật môi trường - Khoa học môi trường	- Vật liệu xử lý môi trường - Công nghệ tiên tiến trong xử lý môi trường	01	
98.	PGS.TS. Trần Thị Hồng	Khoa học môi trường	Phân tích và xử lý ô nhiễm môi trường	02	
99.	TS. Nguyễn Minh Phương	Công nghệ môi trường	- Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học - Vi sinh môi trường	01	
100.	TS. Lê Thị Hoàng Oanh	Công nghệ kỹ thuật môi trường	- Xử lý sinh học lông gà thải làm phân bón giàu nito - Phân bón giàu nito có nguồn gốc chất thải: kiểm nghiệm chất lượng, độc học và tiềm năng sản xuất, ứng dụng	01	Hỗ trợ tham gia đề tài QG 23
101.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hà	- Hóa môi trường - Công nghệ môi trường	- Công nghệ xử lý, tận dụng nước thải và chất thải rắn - Nguyên lý, cơ chế và động học loại bỏ chất ô nhiễm - Phân tích, đánh giá chất lượng môi trường và tác động, ảnh hưởng	02	Hỗ trợ tham gia đề tài
102.	PGS.TS. Phạm Thị Thúy	Kỹ thuật môi trường	- Công nghệ xử lý, tái sử dụng chất thải theo định hướng kinh tế tuần hoàn - Công nghệ xử lý nước cấp, nước thải	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
103.	PGS.TS. Phạm Văn Anh	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh thái học môi trường - Sinh thái học bảo tồn - Đa dạng sinh học và bảo tồn 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu đa dạng và bảo tồn các loài lưỡng cư, bò sát - Nghiên cứu sinh thái học các loài lưỡng cư, bò sát - Nghiên cứu quy hoạch, quản lý và đề xuất các giải pháp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên - Nghiên cứu đánh giá các mối đe dọa đến đa dạng sinh học và định hướng bảo tồn đa dạng sinh học - Nghiên cứu nhân nuôi các loài động vật quý, hiếm phục vụ bảo tồn và phát triển kinh tế 	02	Hỗ trợ tham gia đề tài cấp ĐHQG, Dự án hợp tác quốc tế, nhóm nghiên cứu; hướng dẫn xin tài trợ nghiên cứu
104.	PGS.TS. Lê Đức Minh	Sinh thái môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng công nghệ gen trong sinh thái môi trường - Mô hình hóa phân bố loài và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu lên đa dạng sinh học 	01	Hỗ trợ tham gia một số đề tài quốc gia và quốc tế và các hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh: Gen môi trường và bảo tồn
105.	TS. Phạm Thị Thu Hà (MCB:1185)	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tác động môi trường - Quản lý tổng hợp lưu vực sông - Biến đổi khí hậu - Đánh giá chất lượng môi trường - Mô hình hóa môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, đánh giá tác động của nguồn thải đến môi trường nước mặt/ môi trường không khí. - Nghiên cứu ảnh hưởng từ tổng hợp các loại nguồn thải trong lưu vực sông tới chất lượng nước sông nhằm lựa chọn các can thiệp tốt nhất để cải thiện chất lượng nước sông - Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến môi trường nước/ môi trường không khí. - Nghiên cứu, đánh giá chất lượng môi trường nước mặt/ môi trường không khí - Nghiên cứu mô phỏng sự lan truyền các chất ô nhiễm trong môi trường không khí/ môi trường nước mặt 	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
106.	PGS.TS. Trần Văn Thụy	Sinh thái môi trường và Đa dạng sinh học	- Nghiên cứu ảnh hưởng của ô nhiễm chất thải nhựa tới HST - Ảnh hưởng của BĐKH tới các HST - Nghiên cứu thực trạng và đánh giá sức khỏe các HST	01	
107.	PGS.TS. Nguyễn Kiều Băng Tâm	Sinh thái môi trường và Vi sinh vật học môi trường	Nghiên cứu ứng dụng Metagenomics trong chăm sóc sức khỏe cây cà phê Robusta ở một số vùng trồng trọng điểm tại Việt Nam	01	
108.	PGS.TS. Phạm Thị Thu Hà	- Khoa học môi trường - Phát triển bền vững	- Đánh giá chất lượng/tác động Môi trường (không khí và nước) - Phát triển bền vững - Đánh giá tác động của Mưa axit/BĐKH đến HST/cây trồng nông nghiệp - Du lịch sinh thái/Du lịch bền vững	02	
109.	TS. Vũ Đình Tuấn	- Khoa học đất - Môi trường nông nghiệp	- Nghiên cứu phát thải khí nhà kính bằng mô hình DNDC - Đánh giá giải pháp bảo vệ, phục hồi đất đai cho phát triển nông nghiệp bền vững	01	
110.	TS. Phạm Anh Hùng	- Khoa học đất - Môi trường đất và nước - Khoa học môi trường	Ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên và môi trường	01	Hỗ trợ đề tài/dự án cấp tỉnh thực hiện từ năm 2023. Đồng hướng dẫn với 01 PGS hoặc GS
111.	TS. Trần Thiện Cường	Khoa học môi trường và Phát triển bền vững	Sức chịu tải môi trường; chỉ số phát triển bền vững; năng lượng môi trường	01	
112.	TS. Nguyễn Xuân Huân	- Khoa học đất - Môi trường đất và nước	- Xử lý nước thải chăn nuôi theo định hướng công nghệ xanh và kinh tế tuần hoàn. - Nghiên cứu tận thu chất thải để sản xuất phân bón nhà chậm theo định hướng công nghệ xanh và kinh tế tuần hoàn.	01	Hỗ trợ tham gia nhóm nghiên cứu mạnh

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số lượng NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
113.	TS. Nguyễn Hữu Huấn	- Khoa học môi trường - Môi trường đất và nước	- Nghiên cứu ứng dụng phát triển công nghệ mới, tiên tiến sử dụng hợp lý tài nguyên, tái chế, tái sử dụng hiệu quả chất thải công nghiệp, hướng tới nền kinh tế tuần hoàn - Nghiên cứu ứng dụng phát triển công nghệ tái sử dụng chất thải, phế phụ phẩm hữu cơ trở thành nguyên liệu sản xuất theo hướng phát triển vùng nông nghiệp hữu cơ	01	
114.	TS. Nguyễn Thị Hạnh	- Hóa học môi trường - Môi trường đất và nước	- Vật liệu tiên tiến ứng dụng trong xử lý môi trường - Tái chế chất thải	01	Hỗ trợ tham gia Đề tài Nafosted
115.	GS.TS. Nguyễn Ngọc Minh	- Khoa học đất - Môi trường đất	Vi nhựa, kim loại nặng trong đất	03	
116.	TS. Đinh Mai Vân	- Khoa học đất - Môi trường đất	Cải tạo môi trường đất	02	
117.	PGS.TS. Trần Thị Tuyết Thu	- Khoa học đất - Môi trường đất	- Xử lý đất ô nhiễm - Kim loại nặng - Phục hồi đất thoái hóa	01	

Danh sách gồm 117 cán bộ./.